TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2021/DS-PT.
Ngày: 29-9-2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Các Thẩm phán: 1. Bà Trịnh Thị Phúc

2. Ông Nguyễn Thiện Tâm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Chiêu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 127/2021/TLPT-DS ngày 31 tháng 5 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2021/QĐ-PT ngày 17 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Kim D, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp D, xã K, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn M, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Long An.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Đặng Văn M.

(Bà D, ông M có mặt tại tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim D trình bày: Năm 2015 đến năm 2019 Bà và ông M có thỏa thuận về việc mua bán cám làm thức ăn cho gà. Bà là bên bán, ông M là bên mua. Năm 2015 - 2017, khi mua ông M đã thanh toán tiền đầy đủ cho bà D.

Nhưng từ năm 2018 - 2019, ông M không thanh toán tiền đầy đủ, khoảng thời gian từ ngày 06/01/2018 âm lịch (AL) đến ngày 30/10/2019 (AL), Bà và ông M đã thỏa thuận mua bán cám 267 lần, loại cám 2202, số lượng bao cám Bà đã giao cho ông M là 1555 bao cám. Tổng số tiền là 429.635.000 đồng (số lượng bao cám x đơn giá theo từng thời điểm, có bảng liệt kê kèm theo). Đơn giá thay đổi theo thời điểm cụ thể: Từ ngày 06/01/2018 AL đến ngày 29/01/2018 AL, giá là 271.000 đồng/bao; từ ngày 04/02/2018 AL đến ngày 14/3/2018 AL giá là 275.000 đồng/bao; từ ngày 17/3/2018 AL đến ngày 08/12/2018 AL giá là 280.000 đồng/bao; từ ngày 05/02/2019 AL đến ngày 30/10/2019 AL, giá là 275.000.000 đồng/bao.

Khi thực hiện hợp đồng mua bán, khi nào bên ông M cần hàng sẽ qua cửa hàng của Bà để chở về, mỗi lần chở là 05 bao hoặc 10 bao. Bên ông M đến cửa hàng trực tiếp chở cám. Sau đó, Bà ghi sổ của Bà để theo dõi và ông M có ký tên xác nhận vào sổ. Bà còn ghi thêm 01 quyển sổ cho ông M tự giữ, Bà không có ký tên xác nhận vào sổ này.

Về thời hạn thanh toán, hai bên thỏa thuận khi ông M bán gà sẽ thanh toán tiền cho Bà. Tuy nhiên, những lần ông M thanh toán tiền đều còn thiếu tiền lại chứ không trả hết tiền mua cám của đợt đó. Ông M trả bao nhiêu thì Bà nhận bấy nhiêu và ghi vào sổ theo dõi của Bà, đồng thời Bà cũng có ghi số tiền ông M trả vào sổ của ông M. Đối với khoản tiền mua cám từ năm 2018 - 2019, ông M đã thanh toán tiền cho bà nhiều lần, sau đó, bà cộng số tiền ông M đã thanh toán được là 401.490.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 04/5/2018 AL trả được 20.000.000 đồng.
- Ngày 16/6/2018 AL trả được 12.490.000 đồng.
- Ngày 29/6/2018 AL trả được 20.000.000 đồng.
- Ngày 06/8/2018 AL trả được 10.000.000 đồng.
- Ngày 08/10/2018 AL trả được 18.000.000 đồng.
- Ngày 22/11/2018 AL trả được 18.000.000 đồng.
- Ngày 28/12/2018 AL trả được 15.000.000 đồng.
- Ngày 28/02/2019 AL trả được 15.000.000 đồng.
- Ngày 11/03/2019 AL trả được 10.000.000 đồng.
- Ngày 07/4/2019 AL trả được 20.000.000 đồng.
- Ngày 18/5/2019 AL trả được 20.000.000 đồng.
- Ngày 22/5/2019 AL trả được 15.000.000 đồng.
- Ngày 02/6/2019 AL trả được 15.000.000 đồng.
- Ngày 24/6/2019 AL trả được 30.000.000 đồng.
- Ngày 10/7/2019 AL trả được 20.000.000 đồng.
- Ngày 06/9/2019 AL trả được 20.000.000 đồng.
- Ngày 23/9/2019 AL trả được 20.000.000 đồng.
- Ngày 14/10/2019 AL trả được 8.000.000 đồng.
- Ngày 30/10/2019 AL trả được 40.000.000 đồng.
- Ngày 11/12/2019 AL trả được 25.000.000 đồng.
- Ngày 28/12/2019 AL trả được 30.000.000 đồng.

Bà có cung cấp cho Tòa án 01 sổ theo dõi mua bán cám. Sổ này là sổ theo dõi của bà đối với nhiều khách hàng. Tại sổ theo dõi này, bà xác định nội dung mua bán cám giữa Bà và ông M được thể hiện tại các trang sau đây:

- Năm 2018: Trang 5, 6, 7, 8, 9, 10.

- Năm 2019: Trang 55, 55A, 56, 57, 58, 59, 60, 61 (55A và 61 là trang chốt sổ do Bà tự ghi không có chữ ký của ông M)

(Tất cả đều được đánh số trang bằng bút bi màu đỏ)

Đối với những nội dung bị sửa đổi trong sổ theo dõi của bà là do có khi trong cùng một ngày ông M hoặc con ông M đến chở cám nhiều lần, khi chở lần đầu bà đã ghi số lượng bao cám vào sổ, khi bên ông M đến chở thêm thì những lần sau bà cộng dồn vào và bà sửa trực tiếp trên sổ chứ không ghi lại dòng mới. Việc bà sửa sổ thì con ông M không biết, do Bà tự sửa nhưng sau khi sửa xong thì Bà có đưa cho ông M xem và ông M ký xác nhận vào. Việc sửa đổi này chỉ chỉnh sửa tại sổ theo dõi của Bà còn sổ theo dõi của ông M ghi số lượng bao cám tổng cuối cùng của ngày hôm đó.

Tại phiên tòa, Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông M thanh toán cho Bà số tiền mua cám còn nợ là 28.145.000 đồng.

Bị đơn ông Đặng Văn M trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau: Trong khoảng thời gian từ năm 2015-2019, ông có mua cám tại cửa hàng của bà D. Số tiền mua cám trong các năm 2015, 2016, 2017 ông đã thanh toán xong. Về thời gian thỏa thuận mua bán, đơn giá mỗi bao cám, số lượng bao cám mua bán giữa 02 bên, tổng số tiền cám, ông đều thống nhất với lời trình bày của bà D. Khi Ông đến nhận cám, bà D có ghi sổ theo dõi và Ông ký tên xác nhận vào sổ của bà D. Ngoài ra, bà D còn ghi một quyển sổ đưa cho Ông theo dõi, tuy nhiên sổ theo dõi của Ông hiện nay đã làm thất lạc, không cung cấp được cho Tòa án.

Ông thừa nhận sự việc Ông có mua cám làm thức ăn cho gà và còn nợ tiền lại bà D. Tuy nhiên, ông M không thống nhất với số tiền còn nợ mà bà D khởi kiện đối với ông. Cụ thể như sau:

- Năm 2018: Ông đồng ý với nội dung ghi trong các trang 5, 6, 7, 8, 9, 10, thừa nhận chữ ký tại các trang này là của ông tự ký.

- Năm 2019: Ông đồng ý với nội dung ghi trong các trang 56, 57, 59. Thừa nhận chữ ký tại các trang này là của Ông tự ký và Ông không đồng ý nội dung ghi trong các trang sau:

+ Trang 55, Ông không xác định được.

+ Trang 58, Ông không đồng ý nội dung xóa sổ từ dòng thứ 1 đến dòng thứ 5 từ dưới lên trên, vì các ngày này Ông không có lấy cám nhưng bà D tự ghi vào sổ, sau khi Ông phát hiện thì bà D lại xóa sổ; các dòng còn lại Ông đồng ý thừa nhận chữ ký của ông.

+ Trang 60, Ông không xác định được chữ ký tại các dòng 9, 11, 19, 22 từ trên xuống dưới của trang tương ứng với các ngày 04/3/2019 AL, 08/3/2019 AL,

24/3/2019 AL; các dòng còn lại Ông đồng ý, thừa nhận chữ ký của Ông. Nội dung thể hiện tại các dòng 9, 11, 19, 22 từ trên xuống dưới của trang 60, Ông không thừa nhận chữ ký của Ông nên Ông không đồng ý trả, tổng số bao cám tại các dòng là 35 bao.

Trên sổ của bà D có những ngày có dấu sửa lại số lượng bao cám đã giao cho ông M, những ngày này Ông không thừa nhận. Việc sửa sổ theo dõi bà D đã thực hiện nhiều lần, khi Ông nhận thấy có việc sửa đổi thì có ý kiến là chỗ nào ghi sai thì ghi lại chỗ khác, chứ không đồng ý cho sửa như vậy. Lúc này, bà D nói là nếu đối chiếu sổ hai bên đúng thì thôi, không cần ghi lại. Sau đó, Ông không có ý kiến gì thêm. Ông xác định trong thời gian mua bán cám với bà D, có những ngày Ông lấy cám nhiều lần, có khi ông nhờ con ông chở giùm có khi ông trực tiếp đi lấy.

Về việc bà D sửa số lượng bao cám như sau:

- Ngày 13/3/2019 AL, ông M lấy 05 bao sửa thành 10 bao.
- Ngày 16/4/2019 AL, ông M lấy 05 bao sửa thành 10 bao.
- Ngày 17/4/2019 AL, ông M lấy 05 bao sửa thành 10 bao.
- Ngày 14/5/2019 AL, ông M lấy 05 bao sửa thành 10 bao.
- Ngày 15/5/2019 AL, ông M lấy 05 bao sửa thành 10 bao.

(Thể hiện tại Trang 60 Sổ theo dõi)

- Ngày 14/6/2019 AL, ông M lấy 05, bà D ghi thêm thành 25 bao; *(Thể hiện tại Trang 59 Sổ theo dõi).*
- Ngày 06/7/2019 AL, ông M lấy 05 bao sửa thành 15 bao; *(Thể hiện tại Trang 58 Sổ theo dõi)*.
- Ngày 08/8/2019 AL, ông M lấy 05 bao sửa thành 10 bao.
- Ngày 30/8/2019 AL, ông M lấy 05 bao sửa thành 10 bao.

(Thể hiện tại Trang 57 Sổ theo dõi)

- Ngày 09/9/2019 AL, ông M lấy 05 bao sửa thành 10 bao.
- Ngày 11/9/2019 AL, ông M lấy 05 bao sửa thành 10 bao.

(Thể hiện tại Trang 56 Sổ theo dõi)

Tổng số bao cám bà D ghi nâng số lượng lên là 75 bao. Chữ ký tại các dòng bà D sửa đổi trong sổ theo dõi là chữ ký của ông M.

Đối với các nội dung Ông không thừa nhận chữ ký và nội dung bà D sửa sổ, Ông không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký vì Ông xác định chữ ký là của Ông.

Về số tiền đã thanh toán được, Ông thống nhất với lời trình bày bà D, Ông đã thanh toán cho bà D được 21 lần với tổng số tiền là 401.490.000 đồng.

Ông yêu cầu trừ lại số lượng bao cám mà bà D ghi thêm, số lượng bao tại các ngày Ông không thừa nhận là 110 bao cám. Ông yêu cầu lấy đơn giá là 275.000 đồng/bao, thành tiền là 30.250.000 đồng, sau khi trừ xong, thì Ông đã trả đủ cho bà D và còn dư ra số tiền 2.105.000 đồng, Ông không yêu cầu bà D trả lại cho Ông số tiền này, Ông cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án này.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 20/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 117, 118, 119, 430, 431, 433, 434, 440 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim D đối với bị đơn ông Đặng Văn M.

Ông Đặng Văn M có nghĩa vụ thanh toán cho bà Huỳnh Thị Kim D số tiền mua bán cám còn nợ là 28.145.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 04/05/2021, bị đơn ông Đặng Văn M kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các bên đương sự không đề nghị tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, không cung cấp thêm chứng cứ mới.

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim D trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Đặng Văn M trình bày: Ông không đồng ý với Quyết định của bản án sơ thẩm do chứng cứ là sổ ghi số lượng bao cám Ông mua bị sửa nên Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo của ông Đặng Văn M: Căn cứ vào chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim D là có căn cứ, nên kháng cáo của ông M không có cơ sở để xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Đặng Văn M làm đúng theo quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Huỳnh Thị Kim D khởi kiện yêu cầu ông Đặng Văn M trả số tiền mua bán cám còn nợ chưa thanh toán nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng mua bán là phù hợp theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Xét kháng cáo của ông Đặng Văn M thấy rằng:

[3.1] Bà D xác định trong khoảng thời gian từ ngày 06/01/2018 AL đến ngày 30/10/2019 AL, bà D và ông M đã thỏa thuận mua bán cám 267 lần, loại cám 2202, số lượng bao cám bà D đã bán cho ông M là 1555 bao cám, tổng số tiền là 429.635.000 đồng (số lượng bao cám x đơn giá theo từng thời điểm, có bảng liệt kê kèm theo), số tiền ông M còn nợ là 28.145.000 đồng. Mỗi lần ông M đến lấy cám, bà D có ghi vào sổ theo dõi và ông M có ký tên xác nhận vào sổ theo dõi của bà D tương ứng với từng ngày nhận cám được thể hiện tại các trang 5, 6, 7, 8, 9, 10, 55, 55A, 56, 57, 58, 59, 60, 61 trong sổ theo dõi của bà D (tất cả đều được đánh số trang bằng bút bi màu đỏ). Ngoài ra, bà D còn ghi thêm một quyển sổ theo dõi giao cho ông M tự giữ.

[3.2] Về phía ông M cũng thống nhất với lời trình bày của bà D về thời gian hai bên thỏa thuận mua bán cám, đơn giá cám cho mỗi bao, tổng số tiền ông M mua cám là 429.635.000 đồng, ông M đã thanh toán nhiều lần cho bà D với số tiền là 401.490.000 đồng. Đối với số tiền nợ bà D yêu cầu, ông M không đồng ý vì cho rằng bà D tự ghi thêm, tự ký tên và sửa nâng số lượng bao cám ông M đã nhận lên, việc sửa này ông M cũng biết nhưng ông M cho rằng bà D nói nếu đối chiếu sổ hai bên đúng thì không cần ghi lại, nên ông M không có ý kiến gì và đồng ý. Tuy nhiên, ông M không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông M tại mục sửa.

[3.3] Theo biên bản xác minh ngày 11/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện C có nội dung phù hợp với lời trình bày của bà D. Ngoài ra, trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm hòa giải, ông M nhiều lần trình bày thay đổi về số lượng bao cám đã mua, không thừa nhận số tiền còn nợ bà D là 28.145.000 đồng, nhưng ông M không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Mặt khác, bà D cũng thừa nhận những nội dung trong sổ có sửa là do trong một ngày có khi ông M hoặc con ông M đến chở cám nhiều lần, những lần sau bà cộng dồn vào nên bà D sửa sổ, việc sửa sổ này bà có cho ông M xem, còn trên sổ ông M thì bà D ghi số tổng cuối cùng, nhưng ông M trình bày sổ theo dõi của ông M đã bị mất nên không đối chiếu được với sổ của bà D và không cung cấp được cho Tòa. Sự việc này cũng được ông M thừa nhận tại phiên tòa sơ thẩm.

[3.4] Về số tiền ông M đã thanh toán cho bà D: Bà D và ông M đều xác định thống nhất trong khoảng thời gian từ năm 2018 - 2019, ông M đã thanh toán cho bà D 21 lần với tổng số tiền là 401.490.000 đồng.

[4] Từ những căn cứ trên: Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim D là có căn cứ, bị đơn ông Đặng Văn M kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Đặng Văn M kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Văn M.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 20/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 117, 118, 119, 430, 431, 433, 434, 440 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26, Điều 29 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim D đối với bị đơn ông Đặng Văn M về việc tranh chấp hợp đồng mua bán.

1.1. Ông Đặng Văn M có nghĩa vụ thanh toán cho bà Huỳnh Thị Kim D số tiền mua bán cám còn nợ là 28.145.000 đồng (hai mươi tám triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Văn M phải chịu án phí là 1.407.250 đồng. Hoàn lại cho bà Huỳnh Thị Kim D số tiền tạm ứng án phí là 643.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0008827 ngày 29/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Văn M phải chịu 300.000đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0009753 ngày 05 tháng 05 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện C;
- Chi cục THA huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Cẩm Hồng